

**UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Số: 807/SLĐTBXH-NCC
V/v báo cáo số liệu người có công.

Bình Phước, ngày 14 tháng 6 năm 2018

Kính gửi: Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thị xã.

Nhằm nắm bắt kịp thời việc thực hiện công tác người có công tại các huyện, thị xã trong 6 tháng đầu năm 2018 và có phương hướng thực hiện công tác người có công và thân nhân người có công 6 tháng cuối năm 2018. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thị báo cáo tình hình thực hiện công tác chính sách người có công tại địa phương 6 tháng đầu năm 2018 và đưa ra những kiến nghị, đề xuất và phương hướng của địa phương để thực hiện công tác chính sách người có công 6 tháng cuối năm 2018. Số liệu tổng hợp theo các biểu đính kèm. Như sau:

- Tổng hợp công tác đền ơn đáp nghĩa (Biểu số 1).
- Tổng hợp tình hình đời sống người có công (Biểu 2).
- Tổng hợp công tác quản lý mộ liệt sỹ (đối với các huyện, thị có nghĩa trang liệt sỹ) (Biểu 3).
- Tổng hợp công tác chăm sóc người có công (Biểu 4).
- Tổng hợp số lượng xác nhận người có công (Biểu 5).

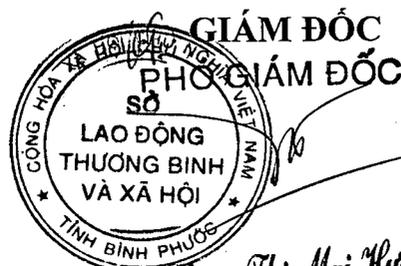
Riêng các số liệu: hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có công được nhận phụng dưỡng, được xây dựng nhà tình nghĩa (bằng nguồn vận động) và được tặng sổ tiết kiệm đề nghị các Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội khi báo cáo cần đính kèm danh sách cụ thể.

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đề nghị Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện, thị sớm thực hiện và có văn bản báo cáo về Sở trước ngày 05/7/2018.

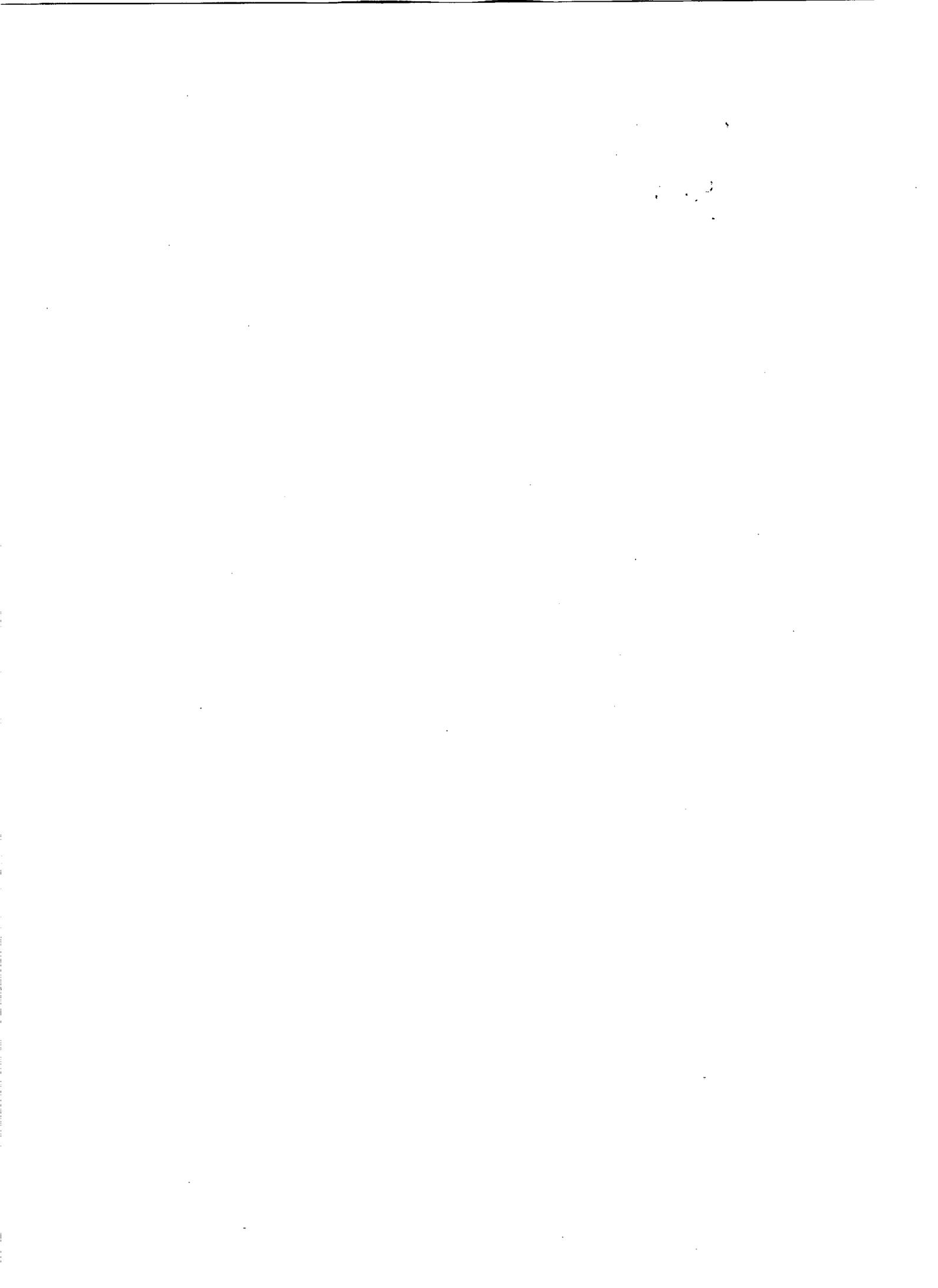
(Số liệu báo cáo tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng NCC;
- Lưu VT (Linh 12).



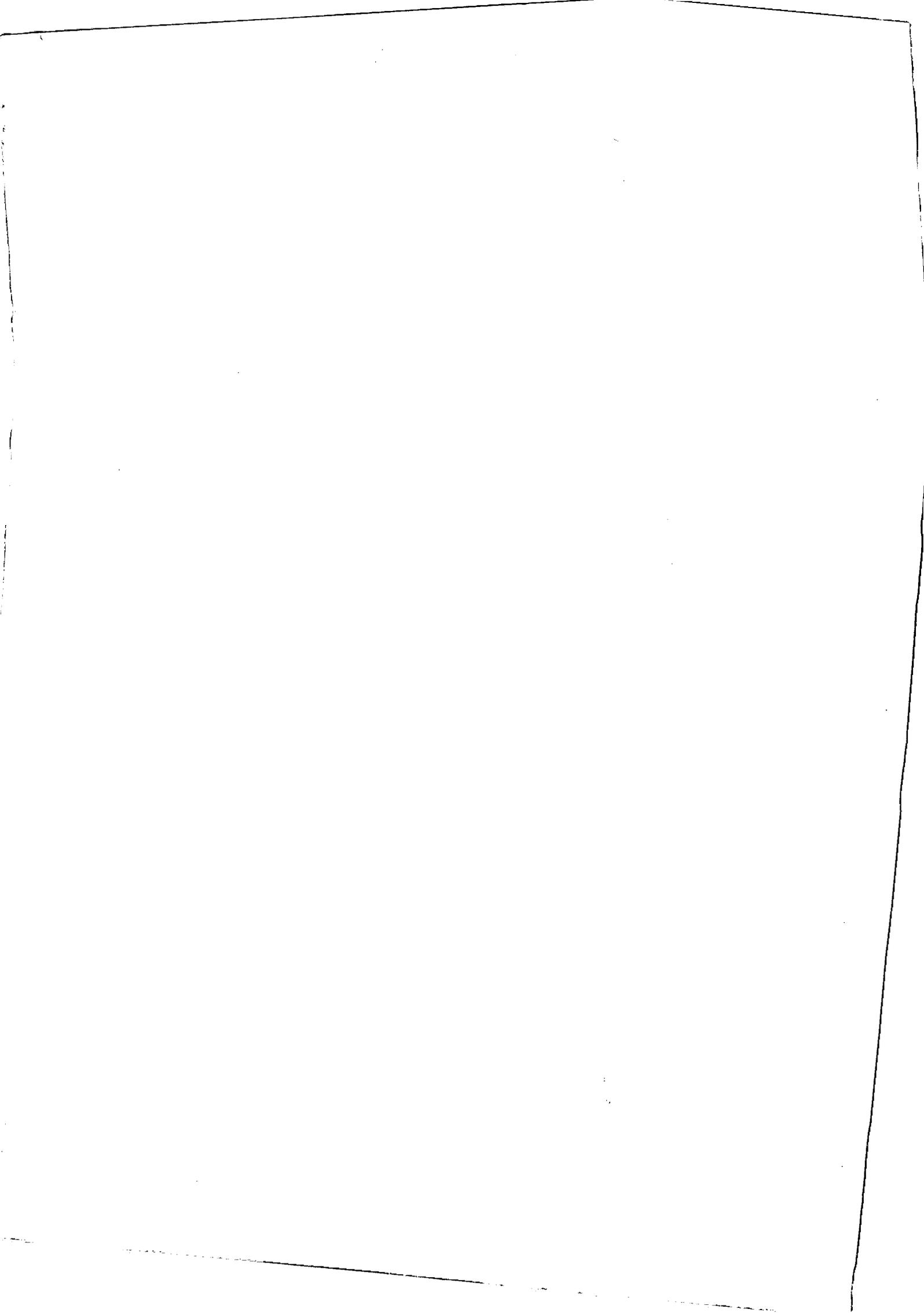
Phạm Thị Mai Hương



BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÔNG TÁC ĐỀN ON ĐÁP NGHĨA

(Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018)

| Xã, phường, thị trấn | Nhà tình nghĩa (bằng nguồn vận động, không tính nhà theo QĐ 22) | | | | | Được tặng sổ tiết kiệm | | Số NCC được nhận phụng dưỡng | | | Vận động quỹ đền ơn đáp nghĩa | |
|----------------------|---|---------|------------------|---------|-----------|------------------------|-----------------|------------------------------|-------------|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|
| | Số được xây mới | Số tiền | Số được sửa chữa | Số tiền | Tổng cộng | | Số sổ tiết kiệm | Số tiền | Bà mẹ VNAH | | | NCC khác được phụng dưỡng |
| | | | | | Số nhà | Số tiền | | | Mẹ còn sống | Mẹ được nhận phụng dưỡng | | |
| 1 | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | | | | | |



BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH ĐỜI SỐNG NGƯỜI CÓ CÔNG
(Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018)

| Xã, phường, thị trấn | Tình hình đời sống người có công | | | | Xã phường làm tốt công tác chăm sóc người có công | | | Nguyên nhân chưa được công nhận |
|----------------------|----------------------------------|-----------------------|---------------------------|---|---|--|---|---------------------------------|
| | Tổng số hộ người có công | Số NCC thuộc hộ nghèo | Số NCC thuộc hộ cận nghèo | Hộ NCC có mức thu nhập trung bình trở lên | Tổng số xã/phường | Số xã, phường được công nhận làm tốt công tác chăm sóc NCC | Số xã, phường chưa được công nhận làm tốt công tác chăm sóc NCC | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | |



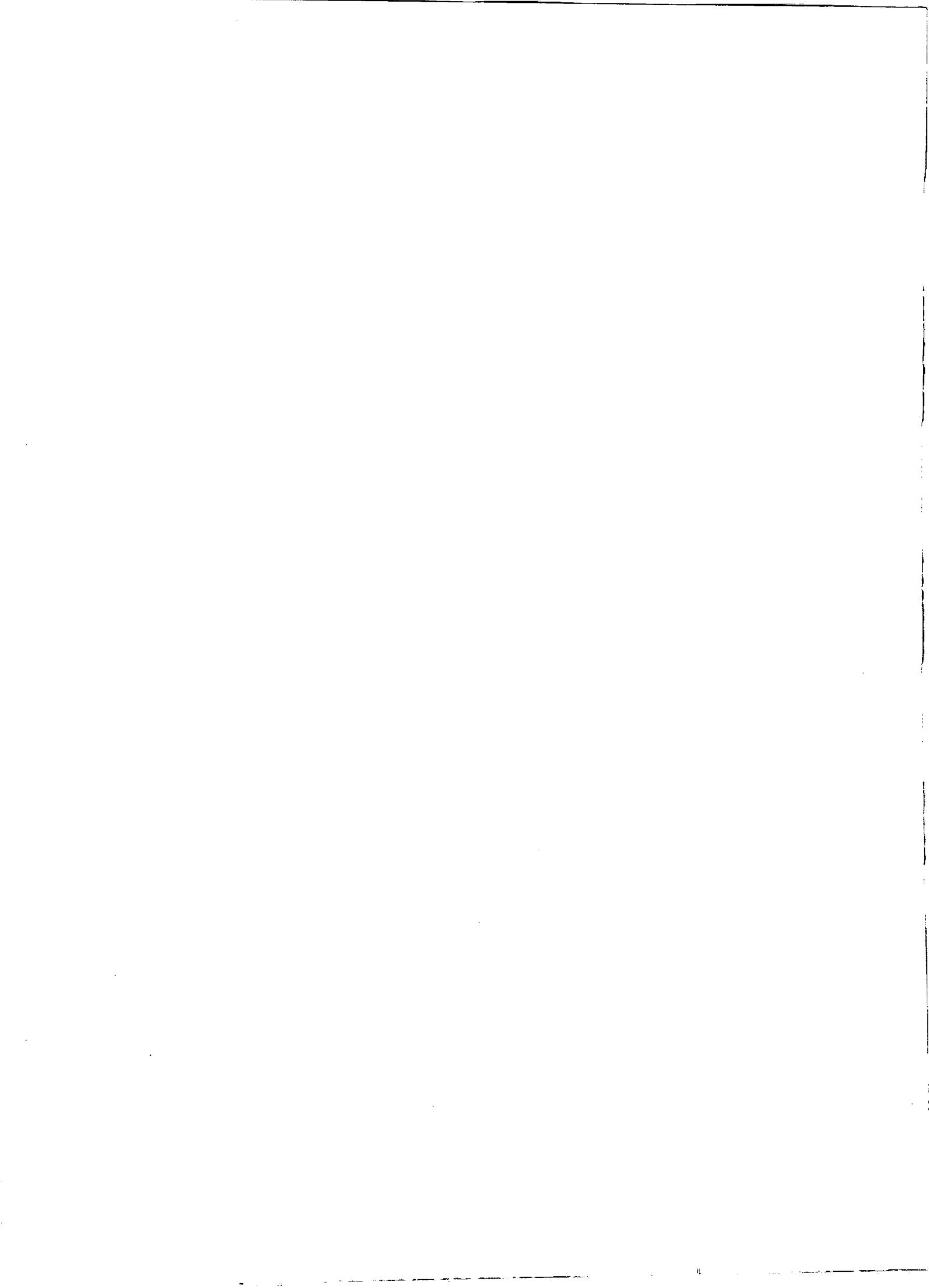
CÔNG TÁC QUẢN LÝ MỘ VÀ NGHĨA TRANG LIỆT SỸ
(Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018)

| Tên nghĩa trang | Tổng số mộ | | | Mộ di chuyển | | Mộ thăm viếng | | Mộ giám định ADN | | | Mộ tiếp nhận mới | | |
|--------------------|------------|--------|---------|--------------|--------------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------|------------|---------------------|------------------|---------|-------------------|
| | Tổng cộng | Có tên | Vô danh | Số mộ | Kinh phí hỗ trợ | Số mộ được thăm viếng | Kinh phí hỗ trợ | Số mộ được lấy mẫu | Có hài cốt | Không có hài cốt | Có tên | Vô danh | Nơi chuyển đến |
| | | | | | | | | | | | | | |



CÔNG TÁC CHĂM SÓC NGƯỜI CÓ CÔNG*(Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018)*

| Xã, phường, thị trấn | Trang cấp DCCH | | Điều dưỡng NCC | | Ưu đãi giáo dục | | | | Mua BHYT cho người có công (số thẻ) |
|----------------------|----------------|----------|--------------------|----------------------|-----------------|---------|----------|---------|-------------------------------------|
| | Số người | Kinh phí | Điều dưỡng tại nhà | Điều dưỡng tập trung | Hàng tháng | | Một lần | | |
| | | | | | Số người | Số tiền | Số người | Số tiền | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | | |



**BÁO CÁO TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG NGƯỜI CÓ CÔNG
VÀ THÂN NHÂN NGƯỜI CÓ CÔNG ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP**
Tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018

| STT | Tên đối tượng | Người có công đang hưởng trợ cấp | Thân nhân đang hưởng trợ cấp |
|-----|--|----------------------------------|------------------------------|
| 1 | Người HĐCM trước ngày 01/01/1945 | | |
| | Thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng | | |
| | Thân nhân hưởng trợ cấp tuất người nuôi dưỡng hàng tháng | | |
| 2 | Người HĐCM từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 | | |
| | Thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng | | |
| | Thân nhân hưởng trợ cấp tuất người nuôi dưỡng hàng tháng | | |
| 3 | Liệt sỹ | | |
| | Thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng của một liệt sỹ | | |
| | Thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng của hai liệt sỹ | | |
| | Thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng của ba liệt sỹ trở lên | | |
| | Thân nhân hưởng trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng | | |
| | Người đảm nhiệm thờ cúng liệt sỹ Vợ (chồng) liệt sỹ tái giá | | |
| 4 | Bà mẹ Việt Nam anh hùng | | |
| 5 | Anh hùng LLVTND | | |
| 6 | Anh hùng LĐ trong thời kỳ kháng chiến | | |
| 7 | Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh | | |
| | Từ 21%-40% | | |
| | Từ 41%-60% | | |
| | Từ 61%-80% | | |
| | Từ 81% trở lên | | |
| | Thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng | | |
| 8 | Bệnh binh | | |
| | Từ 41% -50% | | |
| | Từ 51% -60% | | |
| | Từ 61%-70% | | |
| | Từ 71% -80% | | |
| | Từ 81% trở lên | | |
| | Thân nhân hưởng trợ cấp tuất hàng tháng | | |
| | Người HĐKC bị nhiễm CĐHH | | |

| | | | |
|----|---|--|--|
| 9 | Từ 21%-40% | | |
| | Từ 41%-60% | | |
| | Từ 61%-80% | | |
| | Từ 81% trở lên | | |
| | Con đẻ của người HĐKC bị nhiễm CĐHH | | |
| | Từ 61%-80% | | |
| | Từ 81% trở lên | | |
| | Thân nhân đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng | | |
| 10 | Người HĐCM, HĐKC bị địch bắt tù đầy | | |
| 11 | Người KĐKC giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế | | |
| 12 | Người có công giúp đỡ cách mạng | | |
| | Hưởng trợ cấp hàng tháng | | |
| | Hưởng trợ cấp 1 lần | | |